TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN DƯƠNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 38/2024/HNGĐ-ST Ngày 12 - 4 - 2024 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Cao Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Thư

Bà Bùi Thị Nhàn

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Phạm Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà:*** Bà Đặng Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 178/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị T; ĐKTT: Thôn N, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn K, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Đỗ Đình H; nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, tại Bản tự khai, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Đỗ Đình H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đặng Cương, huyện An Hải (nay là huyện An Dương), thành phố Hải Phòng vào ngày 04 tháng 3 năm 2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống cùng gia đình anh H tại thôn Nhất Trí, xã Đặng Cương, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Trong thời gian vợ chồng chung sống cùng nhau phát

sinh nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng tính cách không hòa hợp, không có tiếng nói chung, anh H chơi bời, không chịu khó làm ăn nên vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi vã. Do mâu thuẫn căng thẳng nên chị đã về sống ở nhà mẹ đẻ tại thôn Kiều Hạ, xã Quốc Tuấn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, vợ chồng sống ly thân. Nay chị Trần Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Đình H để giải phóng hai bên khỏi ràng buộc bởi quan hệ hôn nhân.

Về con chung: Chị và anh Đỗ Đình H có 02 con chung là Đỗ Ngọc Q, sinh ngày 15 tháng 01 năm 2004 và Đỗ Anh V, sinh ngày 18 tháng 7 năm 2006. Ly hôn, chị T đề nghị Tòa án giao con chung Đỗ Anh V cho anh H nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con chung Đỗ Ngọc Q đã trưởng thành nên tự quyết định cuộc sống.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn là anh Đỗ Đình H trình bày: Anh H xác định về việc kết hôn, quá trình chung sống giữa anh và chị Trần Thị T như chị T trình bày là đúng. Thời gian vợ chồng chung sống cùng nhau có những mâu thuẫn phát sinh do bất đồng trong tính cách, quan điểm, tuy nhiên mâu thuẫn sâu sắc nhất dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt là do chị T có quan hệ tình cảm bên ngoài. Anh đã cố gắng để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Hiện tại chị T đã bỏ về ở nhà mẹ đẻ tại thôn Kiều Hạ, xã Quốc Tuấn, huyện An Dương, Hải Phòng. Nay, chị Trần Thị T xin ly hôn với anh vì tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý. Đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị Trần Thị T ly hôn để giải phóng hai bên khỏi ràng buộc bởi quan hệ hôn nhân.

Về con chung: Anh và chị Trần Thị T có 02 con chung là Đỗ Ngọc Q, sinh ngày 15 tháng 01 năm 2004 và Đỗ Anh V, sinh ngày 18 tháng 7 năm 2006. Ly hôn, anh Đỗ Đình H đề nghị Tòa án giao con Đỗ Anh V cho anh nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con chung Đỗ Ngọc Q đã trưởng thành nên tự quyết định cuộc sống.

Về tài sản chung: Anh Đỗ Đình H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn đã không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án; vắng mặt tại phiên tòa không có lý do đã vi phạm các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Căn cứ quy định tại Điều 39 Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Đỗ Đình H; giao con chung Đỗ Anh V, sinh ngày 18 tháng 7 năm 2006 cho anh Đỗ Đình H nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Con chung Đỗ Ngọc Q đã trưởng thành nên tự quyết định cuộc sống. Về việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung không xem xét giải quyết. Chị Trần Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị T có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Đỗ Đình H. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Đỗ Đình H có địa chỉ đăng ký thường trú và cư trú tại thôn Nhất Trí, xã Đặng Cương, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn là chị Trần Thị T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Đỗ Đình H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện An Dương tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Trần Thị T và bị đơn anh Đỗ Đình H.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị T: Chị Trần Thị T và anh Đỗ Đình H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã Đặng Cương cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 04 tháng 3 năm 2002, theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của các bên đương sự, căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ cơ sở xác định: Chị Trần Thị T và anh Đỗ Đình H kết hôn và chung sống với nhau từ năm 2017. Trong cuộc sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách không hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung, không có sự tôn trọng nhau nên hôn nhân căng thẳng, vợ chồng hiện đã sống ly thân, không còn sự quan tâm và trách nhiệm đến nhau. Xét quan hệ hôn nhân của chị Trần Thị T và anh Đỗ Đình H là không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Trần Thị T và anh Đỗ Đình H đều có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Xét quan điểm của chị T và anh H là tự nguyện và có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Thị T và anh Đỗ Đình H có 02 con chung là Đỗ Ngọc Q, sinh ngày 15 tháng 01 năm 2004 và Đỗ Anh V, sinh ngày 18 tháng 7 năm 2006. Ly hôn, chị T và anh H đều có quan điểm đề nghị Tòa án giao con chung Đỗ Anh V cho anh Đỗ Đình H nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Xét quan

điểm của chị T và anh H là tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của con chung nên chấp nhận. Con chung Đỗ Ngọc Q đã trưởng thành nên tự quyết định cuộc sống.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị T và anh Đỗ Đình H đều có quan điểm không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị Trần Thị T và anh Đỗ Đình H đều có quan điểm không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết về vấn đề tài sản, khi nào các đương sự có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[7] Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị T là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Đỗ Đình H.

2. Về con chung: Giao con chung Đỗ Anh V, sinh ngày 18 tháng 7 năm 2006 cho anh Đỗ Đình H nuôi dưỡng. Thời hạn nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con tạm thời không xem xét giải quyết. Con chung Đỗ Ngọc Q, sinh ngày 15 tháng 01 năm 2004 đã trưởng thành nên tự quyết định cuộc sống.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung Ngân sách Nhà nước. Chị T đã nộp số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số 0005289 ngày 04 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương nên không phải nộp nữa.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục THA dân sự huyện An Dương;
- UBND xã Đặng Cương;
(ĐKKH ngày 04/3/2002);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Cao Văn Tuấn